

Bản án số: 103/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07 /6/2022.

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Hoàng Ái Thụy và bà Cái Diệu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thê, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trần Quân- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 149/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021, về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 05/5/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn Xuân Sơn, xã LS, huyện PL, tỉnh T1. Có mặt.

Bị đơn: Anh Hoàng Anh T, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn An Sơn, xã LS, huyện PL, tỉnh T1. Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 08/11/2021 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Lê Thị L trình bày như sau:

Chị và anh Hoàng Anh T có đăng ký kết hôn vào ngày 22/6/2017 tại Ủy ban nhân dân xã LS, huyện PL, tỉnh T1. Vợ chồng sống có hạnh phúc được thời gian một năm, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do Th tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng nhau. Anh T hay uống rượu về gây gỗ, chửi bới chị, vợ chồng cãi vả xúc phạm nhau. Chị có khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh T không nghe, anh T có đánh chị. Từ tháng 3/2018 nguyên đơn và anh T sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống mỗi người tự lo liệu. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không được. Nay nguyên đơn xác định không còn tình thương yêu anh T nữa, yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh Hoàng Anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là Hoàng KN, sinh ngày 31/3/2017. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu Nhi cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, người khởi kiện đã nộp các tài liệu, chứng cứ sau:

Giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao trích lục khai sinh Hoàng KN; Bản sao sổ hộ khẩu; Bản sao chứng minh nhân dân.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập và các Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn nhưng trong thời hạn luật định anh T không có văn bản trình bày ý kiến. Tòa án cũng đã nhiều lần thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt.

Tại biên bản xác minh ngày 05/5/2022, Ủy ban nhân dân xã LS cho biết: Anh Hoàng Anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn An Sơn, xã LS, huyện PL, tỉnh T1. Ủy ban nhân dân xã LS đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bị đơn cản trở tố tụng đã tiến hành niêm yết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã mở phiên tòa đưa vụ án ra xét xử ngày 20/5/2022 nhưng do bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 07/6/2022, đồng thời niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định. Tại phiên tòa lần thứ hai, bị đơn tiếp tục vắng mặt lần thứ hai.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia các Phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa ngày 20/5/2022, làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo Điều 175, Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nêu trên là hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Bởi vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Hoàng Anh T có đăng ký kết vào ngày 22/6/2017 tại Ủy ban nhân dân xã LS, huyện PL, tỉnh T1. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét về quá trình hôn nhân giữa nguyên đơn và anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng, quá trình sống chung, giữa hai người đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không tôn trọng nhau, không quan tâm, chăm sóc cho nhau, từ tháng 3 năm 2018, nguyên đơn và anh T đã sống ly thân cho đến nay. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được 2 bên gia đình hòa giải nhưng không được, sau khi thụ lý vụ án Tòa án cũng không hòa giải được do bị đơn vắng mặt. Điều đó chứng tỏ hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị L.

[2.2] Về việc nuôi con: Hội đồng xét xử xét thấy cháu Hoàng KN mới hơn 5 tuổi đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Mặt khác, chị L có công việc và thu nhập ổn định nên cần giao cháu Hoàng KN cho nguyên đơn chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình thì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử đã giải thích cho nguyên đơn rõ về các quy định của Luật hôn nhân gia đình về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con. Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị L. Chị L được ly hôn anh Hoàng Anh T.

2. Về việc nuôi con: Giao cháu Hoàng KN, sinh ngày 31/3/2017. cho chị Lê Thị L được chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nhi đủ 18 tuổi.

Anh Hoàng Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Hoàng Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

4. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Lê Thị L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0002327, ngày 08/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL. Chị L đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND huyện PL;
- Chi cục THADS huyện PL;
- Đương sự;
- UBND xã LS;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Sang

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

